

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

## LỚP MẪU GIÁO GHEP 3+4 TUỔI

### 1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

| TT                              | Độ tuổi | Mục tiêu                                                                                     | Nội dung                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                              | Thực hiện trong chủ đề    |
|---------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|                                 |         |                                                                                              | Chung                                                                                                                                                                                                                  | Riêng                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất |         |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                              |                           |
| a, Phát triển vận động          |         |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                              |                           |
| 1                               | 3       | - Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.                   | * 3, 4 T:<br>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.<br>- Tay<br>+ Co và duỗi tay.<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Quay sang trái, sang phải.<br>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.<br>- Chân:<br>+ Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ. | - Tay:<br>+ Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.<br>+ Bắt chéo 2 tay trước ngực.<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Cúi về phía trước trước.<br>- Chân:<br>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang.<br>+ Co duỗi chân.                                    | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 |
| 2                               | 4       | - Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. | - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.                                                                                                                    | - Tay:<br>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay)<br>+ Vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu)<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Cúi về phía trước trước, ngửa người ra sau.<br>- Chân<br>+ Nhún chân |                           |

|   |   |                                                                                                                                                                                  |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                 |             |
|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|   |   |                                                                                                                                                                                  |                                                                          | + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.                                                                                                                                                                      |             |
| 3 | 3 | - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>+ Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).<br>+ Đi kiễng gót liên tục 3m.                                                  |                                                                          | - Đi và chạy:<br>+ Đi kiễng gót.<br>+ Đi trong đường hẹp<br>- Bật, nhảy:<br>+ Bật tại chỗ.<br>+ Bật về phía trước.<br>+ Bật xa 20-25 cm.                                                                        | 1,3,4,5,6,7 |
| 4 | 4 | - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>+ Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.<br>+ Trẻ đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. |                                                                          | - Đi và chạy:<br>+ Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi<br>+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.<br>- Bật, nhảy:<br>+ Bật liên tục về phía trước.<br>+ Bật xa 35 - 40cm.<br>+ Nhảy lò cò 3m. |             |
| 5 | 3 | - Trẻ kiểm soát được vận động:<br>+ Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.<br>+ Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.               | * 3, 4 T:<br>- Đi và chạy:<br>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. | - Đi và chạy:<br>+ Đi, chạy đổi hướng theo đường dích dắc.                                                                                                                                                      | 2,3,6,7,8,9 |
| 6 | 4 | - Trẻ kiểm soát được vận động:<br>+ Trẻ đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật                                                                        |                                                                          | - Đi và chạy<br>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.                                                                                                                 |             |

|   |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                         |                   |
|---|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|   |   | chuẩn đặt đích dắc).                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                         |                   |
| 7 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động:</li> <li>+ Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).</li> <li>+ Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</li> </ul>                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3, 4 T:</li> <li>- Tung, ném, bắt:</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</li> <li>+ Ném trúng đích bằng 1 tay</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung, ném, bắt:</li> <li>+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</li> <li>+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.</li> <li>+ Tung bóng lên cao bằng 2 tay.</li> </ul>                     | 1,2,3,4,5,6,      |
| 8 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động:</li> <li>+ Trẻ tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).</li> <li>+ Trẻ ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).</li> <li>+ Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.</li> </ul> |                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung, ném, bắt:</li> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>+ Tung bắt bóng với người đối diện.</li> <li>+ Đập và bắt bóng tại chỗ.</li> <li>+ Chuyển bắt bóng qua chân, qua đầu.</li> </ul> |                   |
| 9 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</li> <li>+ Ném trúng đích ngang (xa 1,5m).</li> <li>+ Bò trong</li> </ul>                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3, 4 T:</li> <li>- Bò, trườn, trèo.</li> <li>+ Bò chui qua cổng.</li> <li>.</li> </ul>                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò, trườn, trèo</li> <li>+ Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc.</li> <li>+ Trườn về phía trước.</li> <li>- Bước lên xuống bậc cao 30cm.</li> </ul>                                            | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    |   | đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |
| 10 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.</li> <li>+ Trẻ ném trúng đích ngang (xa 2 m).</li> <li>+ Trẻ bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</li> </ul> |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi, chạy</li> <li>+ Chạy 15 m trong khoảng 10 giây.</li> <li>+ Chạy chậm 60 - 80m.</li> <li>- Tung, ném, bắt</li> <li>- Bò, trườn, trèo</li> <li>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3- 4m.</li> <li>+ Bò dích dắc qua 5 điểm.</li> <li>+ Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m.</li> <li>+ Trườn theo hướng thẳng.</li> <li>+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm.</li> <li>+ Trèo lên, xuống 5 gióng thang.</li> <li>- Bật- nhảy:</li> <li>+ Bật nhảy từ trên cao xuống 30- 35 cm.</li> <li>+ Bật tách, khép chân qua 5 ô.</li> <li>+ Bật qua vật cản cao 10- 15cm.</li> <li>+ Nhảy lò cò 3m.</li> </ul> |     |
| 11 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được các vận động:</li> <li>+ Xoay tròn cổ tay.</li> <li>+ Gập, đan ngón tay vào nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                         |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,7 |

|                                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                            |       |
|-------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 12                                        | 4 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ thực hiện được các vận động:</li><li>+ Trẻ cuộn - xoay tròn cổ tay.</li><li>+ Trẻ gập, mở các ngón tay.</li></ul>                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng các ngón tay, vê véo vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi.</li><li>- Gập giấy.</li></ul>                           |       |
| 13                                        | 3 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:</li><li>+ Vẽ được hình tròn theo mẫu.</li><li>+ Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</li><li>+ Xếp chồng 8-10 khối không đổ.</li><li>+ Tự cài, cởi cúc.</li></ul>                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>* 3, 4 T:</li><li>- Cài, cởi cúc.</li><li>- Xé, tô.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tô vẽ nguệch ngoạc.</li><li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau.</li><li>- Sử dụng kéo, bút.</li><li>- Đan, tết.</li><li>- Xé, dán giấy.</li></ul> | 4,5,8 |
| 14                                        | 4 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</li><li>+ Trẻ vẽ hình người, nhà, cây.</li><li>+ Trẻ cắt thành thạo theo đường thẳng.</li><li>+ Trẻ xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.</li><li>+ Trẻ biết tết sợi đôi.</li><li>+ Trẻ tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.</li></ul> |                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Lắp ghép hình</li><li>- Cắt đường thẳng.</li><li>- Vẽ hình.</li><li>- Xâu, buộc dây.</li></ul>                                                     |       |
| <b>b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b> |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                            |       |
| 15                                        | 3 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ nói đúng tên một số thực</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>* 3, 4 T:</li><li>- Trẻ nhận ra</li></ul>                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết một số thực phẩm,</li></ul>                                                                                                              | 5,6   |

|    |   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                          |                                                                                            |     |
|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    |   | phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau....).                                                                   | <i>thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động.</i>                                                                                                       | món ăn quen thuộc.                                                                         |     |
| 16 | 4 | - Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:<br>+ Thịt, cá....có nhiều chất đạm,<br>+ Rau, quả chín có nhiều vitamin.                                     |                                                                                                                                                          | - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). |     |
| 17 | 3 | - Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...                                                                              | * 3, 4 T:<br>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.                                                               | - Nhận biết một số món ăn quen thuộc.                                                      | 2   |
| 18 | 4 | - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo. |                                                                                                                                                          | - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.                           |     |
| 19 | 3 | - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.                                                                 | * 3, 4 T:<br>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).                                         |                                                                                            | 2,9 |
| 20 | 4 | - Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.                                   | - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i><br>- <i>Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản</i> |                                                                                            |     |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    |   |                                                                                                                                                                                                                           | <i>thân và người khác.</i>                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
| 21 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</li> <li>+ Trẻ biết rửa tay, lau mặt, xúc miệng.</li> <li>+ Trẻ biết tháo tất, cởi quần, áo....</li> </ul> | <p>* 3, 4 T:</p> <p><i>- Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống.</i></p>                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Tập rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> </ul>                                                       | 1,9 |
| 22 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</li> </ul>                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
| 23 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.</li> <li>+ Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng</li> <li>+ Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bị bẩn..</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</li> </ul> |     |
| 24 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, hông rơi vãi, đổ thức ăn.</li> </ul>                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
| 25 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi....</li> </ul>                                                                                   | <p>* 3, 4 T:</p> <p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</p> <p><i>- Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống.</i></p> |                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,8 |
| 26 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:</li> <li>+ Mời cô, mời bạn khi ăn: Ăn từ tốn, nhai kĩ.</li> <li>+ Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều</li> </ul>                               |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                     |     |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                |     |
|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    |   | loại thức ăn khác nhau.....<br>+ Không uống nước lã.                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                |     |
| 27 | 3 | - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:<br>+ Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.<br>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.                                                                    | * 3, 4 T:<br>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.<br><i>- Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần</i><br><i>-&gt; quyền của trẻ em đối với nhu cầu được chăm sóc, chẳng hạn như ăn, ngủ và nuôi dưỡng.</i> | - Nhận biết trang phục theo thời tiết.<br>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. | 6,8 |
| 28 | 4 | - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:<br>+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.<br>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....<br>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.<br>+ Bỏ rác đúng nơi quy định. |                                                                                                                                                                                                                                                                             | - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.              |     |
| 29 | 3 | - Trẻ nhận ra và tránh một số vận dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi                                                                                                                                                                                                                 | * 3, 4 T:<br>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không                                                                                                                                                                                          |                                                                                | 3   |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |     |
|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|
|    |   | được nhắc nhở.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |     |
| 30 | 4 | - Trẻ nhận ra bàn là, nước đang đun, phích nước...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nghịch.                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |     |
| 31 | 3 | - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể nước, giếng, hố vôi) khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                                                                      | * 3, 4 T:<br>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.                                                                                                                                                                                                                                              |  | 7,8 |
| 32 | 4 | - Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |     |
| 33 | 3 | - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở;<br>+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....<br>+ Không tự lấy thuốc uống.<br>+ Không leo trèo bàn ghế, lan can.<br>+ Không nghịch các vật sắc nhọn.<br>+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. | * 3, 4 T:<br>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.<br><i>- Trẻ thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân và người khác.</i><br><i>- Trẻ học cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh.</i><br><i>- Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác.</i> |  | 4,9 |
| 34 | 4 | - Trẻ biết một số hành động nguy                                                                                                                                                                                                                                                                       | <i>- Trẻ thực hành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |     |

|                                         |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                       |                                                              |     |
|-----------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|
|                                         |   | hiểm và được phòng tránh khi được nhắc nhở:<br>+ Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...<br>+ Trẻ không ăn thức ăn có mùi ôi: không ăn lá, quả lạ.....không uống rượu, bia, cà phê: không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.<br>+ Trẻ biết không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. | <i>tốt thói quen an toàn cá nhân.</i> |                                                              |     |
| 35                                      | 4 | - Trẻ nhận biết được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:<br>- Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.<br>+ Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân cần thiết.                                                      |                                       | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. | 6,7 |
| <b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b> |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                       |                                                              |     |
| <b>a, Khám phá khoa học</b>             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                       |                                                              |     |
| 36                                      | 3 | - Trẻ biết sử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                       | - Chức năng của                                              |     |

|    |   |                                                                                                                                        |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |   | dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng; nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.                  |                                                                                                                                         | các giác quan và một số bộ phận khác trên cơ thể.                                                                                                                                                                                                                                    | 2    |
| 37 | 4 | - Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. |                                                                                                                                         | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.                                                                                                                                                                                                                            |      |
| 38 | 3 | - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.                                                                          | * 3, 4 T:<br>- <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i> | - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.                                                                                                                                                                                                                        |      |
| 39 | 4 | - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.                                                                         |                                                                                                                                         | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.<br>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.<br>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.<br>- So sánh sự giống và khác nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. | 1, 3 |
| 40 | 3 | - Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp                                                                                         | * 3, 4 T:<br>- Một vài đặc điểm, tính chất                                                                                              | - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và                                                                                                                                                                                                                                                |      |

|    |   |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |
|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|    |   | <p>đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng: Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>                                                                                     | <p>của đất, đá, cát, sỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tên gọi, phân bố.</i></li> <li>- <i>Đặc điểm.</i></li> <li>- <i>Tính chất của nước.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li> <li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày.</li> <li>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</li> </ul>                                                                                                 | 8 |
| 41 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</li> </ul>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Sự ô nhiễm nguồn nước.</i></li> <li>- <i>Quá trình hình thành/ xuất hiện.</i></li> <li>- <i>Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên.</i></li> <li>- <i>Ứng xử.</i></li> <li>- <i>Sự thay đổi bất thường về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột.</i></li> <li>- <i>Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác.</i></li> <li>- Thực hiện dự án STEAM.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</li> <li>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</li> <li>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</li> <li>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</li> <li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</li> </ul> |   |
| 42 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát so sánh.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |
| 43 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện .</li> </ul>                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 44 | 3 | - Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi; như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng.                                                                             | <p>* 3, 4 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tên gọi.</i></li> <li>- <i>Đặc điểm.</i></li> <li>- <i>Quá trình phát triển.</i></li> <li>- <i>Cách trông và chăm sóc.</i></li> <li>- <i>Môi trường sống.</i></li> <li>- <i>Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai.</i></li> <li>+ <i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i></li> </ul> | - Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,6 |
| 45 |   | - Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |
| 46 | 4 | - Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như: đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng "Vì sao cây lại héo?" "Vì sao lá cây bị ướn?" |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |
|    |   | - Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/ mặn hơn".                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |
| 47 |   |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</li> <li>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.</li> <li>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</li> <li>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</li> </ul> |     |

|                                                         |   |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                           |              |
|---------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 48                                                      | 3 | - Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.                           | * 3, 4 T:<br><i>- Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông.</i> | - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.                  | 7,8          |
| 49                                                      | 4 | - Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.                        | <i>- Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.</i>                            | - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. |              |
| 50                                                      |   | - Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                           |              |
| 51                                                      | 3 | - Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.                                      |                                                                                                                                                                                                 | - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.                             | 1            |
| 52                                                      | 4 | - Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.                                    |                                                                                                                                                                                                 | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.                                   |              |
| <b>b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b> |   |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                           |              |
| 53                                                      | 3 | - Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.    |                                                                                                                                                                                                 | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.<br>- 1 và nhiều.               | 1,2,4,5,6,7. |

|    |   |                                                                                                                                               |  |                                                             |  |
|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------|--|
| 54 |   | - Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.                                                                                    |  |                                                             |  |
| 55 |   | - Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.      |  |                                                             |  |
| 56 |   | - Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?”.....                                  |  | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. |  |
| 57 |   | - Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.                                                                                                    |  |                                                             |  |
| 58 | 4 | - Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. |  |                                                             |  |

|    |   |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                  |                                                               |           |
|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| 59 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</li> <li>- Tách một đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3, 4 T:</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</li> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</li> </ul> |                                                               | 3,4,5,6,7 |
| 60 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</li> <li>- Trẻ tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</li> </ul>   |                                                                                                                                                                  |                                                               |           |
| 61 | 4 | - Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                  | Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.                | 2,5,6     |
| 62 |   | - Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.                                                                                                                            |                                                                                                                                                                  |                                                               |           |
| 63 | 3 | - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3, 4 T:</li> <li>- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.</li> </ul>                                                            | - Xếp xen kẽ.                                                 | 2,7       |
| 64 | 4 | - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.                                                                                                                               |                                                                                                                                                                  | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. |           |
| 65 | 3 | - Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn;                                                                               |                                                                                                                                                                  | - So Sánh 2 đối tượng về kích thước.                          |           |

|    |   |                                                                                                       |  |                                                                                                                                                                    |     |
|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    |   | bằng nhau                                                                                             |  |                                                                                                                                                                    | 4,8 |
| 66 | 4 | - Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.        |  | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.<br>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.                                                                                      |     |
| 67 | 3 | - Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.                                 |  | - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.<br>- Sử dụng các hình hình học để ghép. | 3,9 |
| 68 | 4 | - Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)         |  | - So sánh sự khác nhau nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.                                                       |     |
| 69 |   | - Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.                                     |  | - Ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.                                                                                   |     |
| 70 | 3 | - Trẻ sử dụng được lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. |  | - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải của bản thân.                                                                                   | 5,9 |
| 71 | 4 | - Trẻ sử dụng được lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người                         |  | - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và với bạn khác (Phía trước -                                                                                     |     |

|                           |   |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                  |   |
|---------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|                           |   | khác.                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phải trái).                                                         |   |
| 72                        |   | - Trẻ biết mô tả sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.                                                                    |   |
| <b>c, Khám phá xã hội</b> |   |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                  |   |
| 73                        | 3 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | * 3, 4 T:<br>- <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách.</i><br>- <i>Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i><br>- <i>Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái</i><br><i>Khám phá các đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai – bạn gái.</i><br>- <i>Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được</i> | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân.<br><br>- Họ tên, tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. |   |
| 74                        | 4 | - Trẻ nói họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                  | 2 |

|    |   |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |     |
|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    |   |                                                                                                                                                                                                               | <i>đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                      |     |
| 75 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.</li> <li>- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3, 4 T:</li> <li>- Địa chỉ gia đình.</li> <li>- <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu</i></li> <li>- <i>Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình</i></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.</li> </ul>                                                                                   |     |
| 76 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</li> </ul>                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.</li> <li>- Một số nhu cầu của gia đình.</li> </ul>        | 3,9 |
| 77 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.</li> </ul>                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |     |
| 78 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</li> </ul>                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3, 4 T:</li> <li>- Các hoạt động của trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.</li> <li>- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp các hoạt động của trẻ ở trường.</li> </ul> | 1   |
| 79 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</li> </ul>                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường .</li> </ul>                                                |     |
| 80 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói tên,</li> </ul>                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên và một</li> </ul>                                                                                                                    |     |

|    |   |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                 |   |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|    |   | một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.      |                                                                                                                                                                                                                                                                      | vài đặc điểm của các bạn.                                                                                       |   |
| 81 |   | - Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.             |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                 |   |
| 82 | 3 | - Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng....khi được hỏi, xem tranh.    | * 3, 4 T:<br>- <i>Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn.</i> | - Tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến.                                                        |   |
| 83 | 4 | - Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ lợi ích.....một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. | - <i>Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là</i>                      | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. | 4 |

|                                        |   |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                    |             |
|----------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                                        |   |                                                                                               | <i>nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng).</i><br><i>- Giáo viên tạo ra sự đa dạng trong hình mẫu, ví dụ... về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề... của các cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa, dân tộc khác nhau.</i> |                                                                                                                    |             |
| 84                                     | 3 | - Trẻ kể tên được một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết trung thu....qua trò chuyện, tranh ảnh. | <b>* 3, 4 T:</b><br><i>- Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi; sạt lở đất, xói mòn).</i>                                                                                                                                    | - Cờ Tổ Quốc, tên các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.                           | 1,2,3,4,6,9 |
| 85                                     |   | - Trẻ kể tên được một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                    |             |
| 86                                     | 4 | - Trẻ kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                           | - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. |             |
| 87                                     |   | - Trẻ kể tên và nói được một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.         |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                    |             |
| <b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b> |   |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                    |             |
| 88                                     | 3 | - Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".            |                                                                                                                                                                                                                                                                           | - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.                                                                               | 2,3,8,9     |

|    |   |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   |                   |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 89 | 4 | - Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng". |                                                                                                                                                                                                 | - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu.<br>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.                  |                   |
| 90 | 3 | - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả....                                          |                                                                                                                                                                                                 | - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.                       | 5,7,8             |
| 91 | 4 | - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ....                                                    |                                                                                                                                                                                                 | - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.                                              |                   |
| 92 | 3 | - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.                                              | * 3, 4 T:<br>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.<br><i>- Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.</i> | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.<br>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. | 2,6               |
| 93 | 4 | - Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.                                                               |                                                                                                                                                                                                 | - Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; " Cái gì?"; " Ở đâu"; " Khi nào"; " Để làm gì?".                            |                   |
| 94 | 3 | - Trẻ nói rõ các tiếng.                                                                                        | - <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i>                                                                                | - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.                                                                               | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |
| 95 | 4 | - Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.                                                                   | - <i>Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học</i>                                                                                                                   | - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.                                                                           |                   |

|     |   |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                 |                                                                                      |     |
|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     |   |                                                                                                          | <i>(các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển (các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ.</i> |                                                                                      |     |
| 96  | 3 | - Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....                                 | * 3, 4 T:<br>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.                                                                            |                                                                                      | 4,9 |
| 97  | 4 | - Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....                                            |                                                                                                                                                                                 |                                                                                      |     |
| 98  | 3 | - Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.                                                                    | * 3, 4 T:<br>- <i>Trẻ được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng, phát âm đặc trưng của trẻ...</i>                                                                                | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. | 2   |
| 99  | 4 | - Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định....                          |                                                                                                                                                                                 | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.     |     |
| 100 | 3 | - Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim. |                                                                                                                                                                                 | - Kể lại sự việc                                                                     | 9   |
| 101 | 4 | - Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.                                                                      |                                                                                                                                                                                 | - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.                                                 |     |

|     |   |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                       |                                                     |                   |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|
| 102 | 3 | - Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....                                      | * 3, 4 T:<br>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.                                                                                                                                             |                                                     | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |
| 103 | 4 | - Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....                                      |                                                                                                                                                                                                       |                                                     |                   |
| 104 | 3 | - Trẻ kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.        |                                                                                                                                                                                                       | - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |
| 105 | 4 | - Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.                                                |                                                                                                                                                                                                       | - Kể lại truyện đã được nghe.                       |                   |
| 106 | 3 | - Trẻ bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.                           |                                                                                                                                                                                                       | - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.       | 5,7,8             |
| 107 | 4 | - Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.                  |                                                                                                                                                                                                       | - Đóng kịch.                                        |                   |
| 108 | 3 | - Trẻ sử dụng được các từ: "vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa"... trong giao tiếp.               | * 3, 4 T:<br>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.<br>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.                                                            |                                                     | 1,4               |
| 109 | 4 | - Trẻ sử dụng các từ như: "Mời cô"; "mời bạn"; "cảm ơn"; xin lỗi"; trong giao tiếp. | - <i>Học cách tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân xưng; sử dụng từ, câu biểu thị lịch sự, lễ phép; lắng nghe; khởi xướng; luân phiên; điều chỉnh giọng nói</i> |                                                     |                   |

|     |   |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                 |     |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     |   |                                                                          | <i>phù hợp với tình huống giao tiếp.</i>                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                 |     |
| 110 | 3 | - Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Trả lời và đặt câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?".               | 2,6 |
| 111 | 4 | - Trẻ điều chỉnh được giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. |                                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Trả lời và đặt câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?", "Để làm gì?". |     |
| 112 | 3 | - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, giờ sách xem tranh.     | * 3, 4 T:<br>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.<br>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.                                                                                                                                                                        | - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.                                                | 1,9 |
| 113 | 4 | - Trẻ biết chọn sách để xem.                                             | - <i>Xem sách, trò chuyện; lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại.</i><br>- <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ (VD thể hiện bằng ngôn ngữ lời nói: con muốn, con mong được...).</i> |                                                                                 |     |
| 114 | 3 | - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.      | * 3, 4 T:<br>- <i>Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn về một thế giới hòa</i>                                                                                                                                                                                              | - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.                                        | 1,5 |
| 115 | 4 | - Trẻ biết mô tả                                                         | <i>một thế giới hòa</i>                                                                                                                                                                                                                                                                      | - Mô tả sự vật,                                                                 |     |

|     |   |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                             |       |
|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|     |   | hành động của các nhận vật trong tranh.                                                                        | <i>bình, yêu thường, tôn trọng lẫn nhau.</i>                                                                                                                                                                  | hiện tượng, tranh ảnh.<br>- “Đọc truyện qua các tranh vẽ”.<br>+ Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.<br>- Bảo vệ sách. |       |
| 116 |   | - Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“Đọc vẹt”). |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                             |       |
| 117 | 3 | - Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.                                                                           | * 3, 4 T:<br>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt:<br>+ Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.<br>+ Hướng viết của các nét chữ; Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.<br>- Giữ gìn sách. |                                                                                                                             | 4,6,7 |
| 118 |   | - Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm....               |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                             |       |
| 119 | 4 | - Trẻ sử dụng được kí hiệu để “viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.                                          | - Làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).                                                                   | - Nhận dạng một số chữ cái.<br>- Tập tô, tập tô các nét chữ.                                                                |       |
|     |   |                                                                                                                | <i>- Tôn trọng cách truyền đạt ý tưởng và thông tin bằng nhiều cách khác nhau như: vẽ, đánh dấu, ký hiệu, ảnh, video, công cụ kỹ thuật số và viết với cách viết thông thường</i>                              |                                                                                                                             |       |

|                                                   |   |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                |                                                    |     |           |
|---------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----|-----------|
|                                                   |   |                                                                                      | hoặc theo cách của mình.                                                                                                                                                                                       |                                                    |     |           |
| 4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội |   |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                |                                                    |     |           |
| 120                                               | 3 | - Trẻ nói được tên, tuổi giới tính của bản thân.                                     | * 3, 4 T :<br>- Tên, tuổi, giới tính.<br><i>- Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i> | - Những điều bé thích, không thích.                | 2,3 |           |
| 121                                               |   | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích.                                           |                                                                                                                                                                                                                |                                                    |     |           |
| 122                                               | 4 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.                    | <i>- Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ- liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i>                                                 | - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. |     |           |
| 123                                               |   | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.         |                                                                                                                                                                                                                |                                                    |     |           |
| 124                                               | 3 | - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi              | * 3, 4 T :<br><i>- Mọi trẻ trai, trẻ gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến; bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</i>                | - Những điều bé thích, không thích.                |     | 1,2,3,5,7 |
| 125                                               |   | - Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...). |                                                                                                                                                                                                                |                                                    |     |           |
| 126                                               | 4 | - Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.                                        | - Sở thích, khả năng của bản thân.                                                                                                                                                                             |                                                    |     |           |
| 127                                               |   | - Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn                         |                                                                                                                                                                                                                |                                                    |     |           |

|     |   |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                   |             |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     |   | đồ chơi).                                                                                                         |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                   |             |
| 128 | 3 | - Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.                         |                                                                                                                                                                                | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.               | 2,3,4,5,8,9 |
| 129 |   | - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, buồn, sợ hãi, tức giận.                                                               |                                                                                                                                                                                | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói: trò chơi, hát, vận động.                             |             |
| 130 | 4 | - Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh. |                                                                                                                                                                                | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (ngạc nhiên, xấu hổ) qua tranh ảnh.                                         |             |
| 131 |   | - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.                                              |                                                                                                                                                                                | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói: trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình. |             |
| 132 | 3 | - Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.                                                                               | * 3, 4 T:<br>- Kính yêu Bác Hồ.<br><i>- Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.</i> | - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.                                                          | 9           |
| 133 |   | - Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.                                           |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                   |             |
| 134 | 4 | - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bc Hồ.                                                                        |                                                                                                                                                                                | - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.                                         |             |
| 135 |   | - Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ,                                                      |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                   |             |

|     |   |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                               |         |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |   | cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                               |         |
| 136 |   | - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                               |         |
| 137 | 3 | - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.           | * 3, 4 T:<br>- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).<br>- <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i><br>- <i>Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất.</i><br>- <i>Cách mà mỗi thành viên trong gia đình, cộng đồng (trường/lớp/địa phương) có thể giúp đỡ nhau, mang lại niềm vui cho nhau.</i><br>- <i>Yêu thương bản thân; tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.</i> | - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.                                                                                                                          | 1,3     |
| 138 | 4 | - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - Quan tâm, giúp đỡ bạn<br>- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) . |         |
| 139 | 3 | - Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).<br>- Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".                                                           | 1,4,6,7 |
| 140 |   | - Chú ý nghe khi cô, bạn nói.                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                               |         |
| 141 | 4 | - Trẻ biết nói lời                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - Lắng nghe ý                                                                                                                                                 |         |

|     |   |                                                                                               |                                                                                                                                                                 |                                                         |                   |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
|     |   | cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép                                                             |                                                                                                                                                                 | kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. |                   |
| 142 |   | - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.                                                             |                                                                                                                                                                 |                                                         |                   |
| 143 |   | - Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.                                                    |                                                                                                                                                                 |                                                         |                   |
| 144 | 3 | - Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.                                 | * 3, 4 T:<br>Chờ đến lượt.<br><i>- Học cách thảo luận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i> | - Chơi hòa thuận với bạn.                               | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |
| 145 | 4 | - Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (hơi, trực nhật...) | <i>- Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i><br><i>- Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>          | - Hợp tác.                                              |                   |
| 146 | 3 | - Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.                                    | * 3, 4 T:<br>- Tiết kiệm điện, nước.<br>- Bảo vệ, chăm                                                                                                          | - Nhân biết hành vi "đúng" – “sai”, “tốt” – “xấu”.      | 5,6,8             |
| 147 |   | - Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.                                                 | sóc con vật và cây cối.<br><i>- Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh.</i>                          | Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".        |                   |
| 148 |   | - Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.                                                                 |                                                                                                                                                                 |                                                         |                   |
| 149 | 4 | - Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.                   |                                                                                                                                                                 |                                                         |                   |
| 150 | 3 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.                                                          | * 3, 4 T:<br>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.                                                                                                                      |                                                         |                   |

|                                       |   |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                               |           |
|---------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 151                                   | 4 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.                                                                                                                                            | - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường</i><br>- <i>Hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình và nơi cộng đồng; hành vi sống xanh và bảo vệ môi trường sống gần gũi.</i>                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                               | 1,2,4,7,8 |
| <b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b> |   |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                               |           |
| 152                                   | 3 | - Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.                                        | * 3, 4 T:<br>- <i>Mọi trẻ (không kể về giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc...) đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân và tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc, kịch...) theo cảm nhận của riêng mình, như là một cách để trẻ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân. Tất cả những người khác đều phải học cách tôn trọng sở thích của nhau.</i> | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.             | 1,2,4,7   |
| 153                                   |   | - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                               |           |
| 154                                   |   | - Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                               |           |
|                                       | 4 |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |           |

|     |   |                                                                                                                                                                     |           |                                                                      |                   |
|-----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 155 |   | - Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng....) của các tác phẩm tạo hình.                       |           |                                                                      |                   |
| 156 | 3 | - Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.  |           | - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).               | 3,4,6             |
| 157 | 4 | - Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. |           | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).  |                   |
| 158 | 3 | - Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.                                                                                                |           | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.                                | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |
| 159 | 4 | - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...                                                    |           | - Hát đúng giai điệu lời ca thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. |                   |
| 160 | 3 | - Trẻ biết vận                                                                                                                                                      | * 3, 4 T: | - Vận động đơn                                                       |                   |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                   |                   |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|     |   | động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | - <i>Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>                                                      | giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.                                                                                  | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |
| 161 | 4 | - Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                 | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.                                                                                                        |                   |
| 162 | 3 | - Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.<br>- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.<br>- Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.<br>- Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối.<br>- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.<br>Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. | * 3, 4 T:<br>- <i>Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ nhất có thể đối với lứa tuổi của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.</i><br>- Thực hiện dự án STEAM. | - Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.<br>- Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.<br>- Nhận xét sản phẩm tạo hình. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |
|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 163 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</li> <li>- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành các bức tranh có màu sắc và bố cục.</li> <li>- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.</li> <li>- Trẻ biết làm lỗm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</li> <li>- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.</li> <li>- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</li> </ul> |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.</li> <li>- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.</li> <li>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.</li> </ul> |         |
| 164 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                           | 1,2,5,9 |
| 165 |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết lựa chọn và tự thể</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn, thể hiện các hình</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |

|     |   |                                                                          |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                        |           |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | 4 | hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.                          |                                                                                                                                                                                                       | thức vận động theo nhạc.                                                                                                               |           |
| 166 |   | - Trẻ biết lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.     |                                                                                                                                                                                                       | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.               |           |
| 167 | 3 | - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.                    | * 3, 4 T:<br>- <i>Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ.</i> | - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.                                                                                           | 3,5,6,8,9 |
| 168 | 4 | - Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |                                                                                                                                                                                                       | - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.<br>- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. |           |
| 169 | 3 | - Trẻ biết đặt tên các sản phẩm tạo hình.                                | * 3, 4 T:<br>- Đặt tên cho sản phẩm của mình.                                                                                                                                                         |                                                                                                                                        | 8,9       |
| 170 | 4 | - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.-                               |                                                                                                                                                                                                       | - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.                                                                                                   |           |

## 2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ (MẪU GIÁO GHÉP 3 + 4 TUỔI)

| Thời gian<br>(Tháng, từ ngày 08/9/2025 đến<br>ngày 22/5/2026 )     | S<br>T<br>T | Chủ đề                                                    | Chủ đề<br>nhánh                              | Số<br>tuần | Lễ/<br>hội                                                                       | Điều<br>chỉnh<br>bổ<br>sung |
|--------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>(4 tuần) 08/9/2025 - 03/10/2025</b><br>08/9/2025 - 12/9/2025    | <b>1</b>    | <b>Trường<br/>mầm<br/>non<br/>thân<br/>yêu của<br/>bé</b> | Trường mầm<br>non của bé                     | 1          |                                                                                  |                             |
| 15/9/2025 - 19/9/2025                                              |             |                                                           | Các hoạt<br>động trong<br>trường mầm<br>non. | 1          |                                                                                  |                             |
| 22/9/2025 - 26/9/2025                                              |             |                                                           | Lớp học của<br>bé.                           | 1          |                                                                                  |                             |
| 29/9/2025 - 03/10/2025                                             |             |                                                           | Đồ dùng, đồ<br>chơi của lớp.                 | 1          |                                                                                  |                             |
| <b>(4 tuần) 06/10/2025 - 31/10/2025</b><br>06/10/2025 - 10/10/2025 | <b>2</b>    | <b>Bản<br/>thân</b>                                       | Bé vui tết<br>trung thu .                    | 1          | <b>Tết<br/>trung<br/>thu,<br/>Ngày<br/>phụ<br/>nữ<br/>Việt<br/>Nam<br/>20/10</b> |                             |
| 13/10/2025 - 17/10/2025                                            |             |                                                           | Tôi là ai.                                   | 1          |                                                                                  |                             |
| 20/10/2025 - 24/10/2025                                            |             |                                                           | Cơ thể của<br>tôi.                           | 1          |                                                                                  |                             |
| 27/10/2025 - 31/10/2025                                            |             |                                                           | Tôi cần gì để<br>lớn lên và<br>khỏe mạnh.    | 1          |                                                                                  |                             |
| <b>(4 tuần) 03/11/2025 - 28/11/2025</b><br>03/11/2025 - 07/11/2025 | <b>3</b>    | <b>Gia<br/>đình</b>                                       | Gia đình của<br>bé.                          | 1          | <b>Ngày<br/>nhà<br/>giáo<br/>Việt<br/>Nam<br/>20/11</b>                          |                             |
| 10/11/2025 - 14/11/2025                                            |             |                                                           | Ngôi nhà<br>của bé.                          | 1          |                                                                                  |                             |
| 17/11/2025 - 21/11/2025                                            |             |                                                           | Ngày hội<br>của cô giáo .                    | 1          |                                                                                  |                             |
| 24/11/2025 - 28/11/2025                                            |             |                                                           | Đồ dùng ăn<br>uống trong<br>gia đình.        | 1          |                                                                                  |                             |
| <b>(4 tuần) 01/12/2025 - 26/12/2025</b><br>01/12/2025 - 05/12/2025 | <b>4</b>    | <b>Nghề<br/>nghiep</b>                                    | Nghề xây<br>dựng.                            | 1          | <b>Ngày<br/>quân<br/>đội<br/>nhân<br/>dân<br/>Việt<br/>Nam</b>                   |                             |
| 08/12/2025 - 12/12/2025                                            |             |                                                           | Nghề y tế.                                   | 1          |                                                                                  |                             |
| 15/12/2025 - 19/12/2025                                            |             |                                                           | Nghề sản<br>xuất .                           | 1          |                                                                                  |                             |
| 22/12/2025 - 26/12/2025                                            |             |                                                           | Nghề bộ đội,<br>công an.                     | 1          |                                                                                  |                             |
| 29/12/2025 – 02/01/2026                                            |             |                                                           | <b>Nghỉ tết dương lịch<br/>(không soạn</b>   |            |                                                                                  |                             |

|                                                                    |          |                                           |                                               |   |                                                 |  |
|--------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|---|-------------------------------------------------|--|
|                                                                    |          |                                           | <b>giảng), tổ chức các hoạt động khác.</b>    |   |                                                 |  |
| <b>(4 tuần) 05/01/2026 - 30/01/2026</b><br>05/01/2026 - 09/01/2026 | <b>5</b> | <b>Thế giới động vật</b>                  | Động vật nuôi trong gia đình                  | 1 | <b>Kết thúc học kỳ I, bắt đầu học học kỳ II</b> |  |
| 12/01/2026 – 16/01/2026                                            |          |                                           | Động vật sống trong rừng                      | 1 |                                                 |  |
| 19/01/2026 – 23/01/2026                                            |          |                                           | Động vật sống dưới nước                       | 1 |                                                 |  |
| 26/01/2026 – 30/01/2026                                            |          |                                           | Một số loại chim và côn trùng                 | 1 |                                                 |  |
| <b>(5 tuần) 02/02/2026 – 13/3/2026</b><br>02/02/2026 - 06/02/2026  | <b>6</b> | <b>Thế giới thực vật, tết và mùa xuân</b> | Cây xanh quanh bé                             | 1 | <b>Ngày tết nguyên đán</b>                      |  |
| 09/02/2026 - 13/02/2026                                            |          |                                           | Mùa xuân, tết nguyên đán                      | 1 |                                                 |  |
| 16/02/2026 - 20/02/2026                                            |          |                                           | <b>Nghỉ tết nguyên đán (không soạn giảng)</b> |   |                                                 |  |
| 23/02/2026 - 27/02/2026                                            |          |                                           | Những loại hoa đẹp                            | 1 |                                                 |  |
| 02/3/2026 - 06/3/2026                                              |          |                                           | Ngày hội 8/3                                  | 1 |                                                 |  |
| 09/3/2026 - 13/3/2026                                              |          |                                           | Một số loại rau, củ, quả                      | 1 |                                                 |  |
|                                                                    |          |                                           |                                               |   |                                                 |  |
| <b>(4 tuần) 16/3/2026 – 10/4/2026</b><br>16/3/2026 - 20/3/2026     | <b>7</b> | <b>Phương tiện và luật giao thông</b>     | Phương tiện giao thông đường bộ               | 1 |                                                 |  |
| 23/3/2026 - 27/3/2026                                              |          |                                           | Phương tiện giao thông đường thủy             | 1 |                                                 |  |
| 30/3/2026 - 03/4/2026                                              |          |                                           | Phương tiện giao thông đường không            | 1 |                                                 |  |
| 06/4/2026 - 10/4/2026                                              |          |                                           | Luật giao thông                               | 1 |                                                 |  |
| <b>(3 tuần) 13/4/2026 – 01/5/2026</b><br>13/4/2026 - 17/4/2026     | <b>8</b> | <b>Nước và các hiện</b>                   | Nước.                                         | 1 | <b>Giải phóng miền</b>                          |  |
|                                                                    |          |                                           | Các hiện                                      | 1 |                                                 |  |

|                                                         |   |                                         |                                      |            |                                |  |
|---------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------|--|
| 20/4/2026 – 24/4/2026                                   |   | tượng<br>tự<br>nhiên                    | tượng tự<br>nhiên.                   |            | nam,<br>quốc<br>tế lao<br>động |  |
| 27/4/2026 - 01/5/2026                                   |   |                                         | Các mùa<br>trong năm.                | 1          |                                |  |
| (3 tuần) 04/5/2026 – 22/5/2026<br>04/5/2026 - 08/5/2026 | 9 | Quê<br>hương,<br>đất<br>nước,<br>Bác Hồ | Quê hương,<br>đất nước.              | 1          |                                |  |
| 11/5/2026 - 22/5/2026                                   |   |                                         | Bác Hồ với<br>các cháu<br>thiếu nhi. | 2          |                                |  |
|                                                         |   |                                         |                                      | 35<br>tuần |                                |  |

Mường Nhé, ngày      tháng      năm 2025

GIÁO VIÊN

TỔ TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Hảo